

0.a. Goal

Mục tiêu 12: Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững

0.b. Target

Mục tiêu 12.2: Đến năm 2030, đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản (mục tiêu 12.2 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 12.2.1. Tỷ lệ diện tích phần đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Bộ Tài nguyên và Môi trường

1.f. Contact mail

Số 10 Tôn Thất Thuyết - Hà Nội

1.g. Contact email

portal@monre.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Đo vẽ bản đồ địa chất khoáng sản là lập bản đồ địa chất, phát hiện, dự báo triển vọng tài nguyên khoáng sản và các tài nguyên địa chất khác; xác định hiện trạng môi trường địa chất và dự báo các tai biến địa chất.

Tỷ lệ diện tích phần đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền là phần trăm diện tích phần đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền trên tổng diện tích đất liền.

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

Dữ liệu hành chính từ Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.d. Data release calendar

5 năm.

3.e. Data providers

Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.f. Data compilers

Bộ Tài nguyên và Môi trường

4.a. Rationale

Chỉ tiêu phản ánh diện tích tự nhiên được đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1: 50.000 phần đất liền phục vụ cho việc quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ diện tích phần đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1: 50.000 phần đất liền (\%)} = \frac{\text{Diện tích phần đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền}}{\text{Tổng diện tích đất liền}} \times 100$$

5. Data availability and disaggregation

Hiện tại, chỉ có số liệu của một số năm: 2011; 2015; 2016 và 2018

Chưa có số liệu công bố theo phân tổ Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

(Nguồn công bố: Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Số liệu từ Bộ Tài nguyên và Môi trường)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này phản ánh các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (mục tiêu 12.2). Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu không có chỉ tiêu này

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;

- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>